

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Trường Bảo.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TLST - HS, ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST - HS, ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1972 tại Bình Thuận; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N(đã chết) và bà Đỗ Thị M(đã chết); Chồng: Hoàng Ngọc T, sinh năm 1970; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: Có mặt.

Bị hại:

- Ngô Thị M1, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm 5, thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trần Ngọc T1, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 6, khu phố 4, thị trấn V, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- Hoàng Thành V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 7 giờ ngày 31/10/2022 Nguyễn Thị Hồng C nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản lấy tiền trả nợ nên điều khiển xe mô tô đi từ xã Đ, huyện Đ1 đến khu vực huyện T để tìm những người già yếu đi ngoài đường tiếp cận trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 08 giờ 30 khi đến khu vực thôn 1, xã B thì phát hiện có bà Ngô Thị M1 đang đi bộ ngoài đường nên Nguyễn Thị Hồng C tìm cách tiếp cận để móc túi. Nguyễn Thị Hồng C dừng xe gần bà M1 hỏi “Bà đi đâu về vậy”. Bà M1 trả lời “Bà đi đạ khoa xin thuốc”. Nguyễn Thị Hồng C hỏi “Không ai chở bà đi, để bà đi bộ tội vậy, để con chở bà về”. Bà M1 hỏi lại “Con ở đâu, con đi đâu về” thì C nói “Con về nhà mẹ để gần nhà bà”. Bà M1 hỏi “Con có phải Thủy không” thì C nói “ạ”. Khi bà Ngô Thị M1 đồng ý cho C chở về thì Nguyễn Thị Hồng C đỡ bà M1 lên xe và liên tục dùng tay sờ vào vùng bụng, túi quần, túi áo để tìm tài sản thì phát hiện trong túi áo bên phải của bà M1 có 01 túi vải nên Nguyễn Thị Hồng C dùng tay phải lấy rồi chuyển qua tay trái cầm và điều khiển xe chở bà M1 đi được một đoạn thì Công nói dối với bà M1 là nhà có việc gấp nên để bà M1 xuống xe. Lúc này, Nguyễn Thị Hồng C nhanh chóng điều khiển xe bỏ chạy về hướng xã Đ2. Trên đường đi C dừng lại kiểm tra túi vải thì thấy bên trong có số tiền 990.000đ, 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, 02 chiếc bông tai bằng vàng có đính đá màu xanh thì Nguyễn Thị Hồng C cất dấu trong người, ném túi vải bên đường. Nguyễn Thị Hồng C tiếp tục điều khiển xe về hướng huyện Đ1 ghé vào tiệm vàng N thuộc khu vực chợ thị trấn V, huyện Đ1 do ông Trần Ngọc T1 làm chủ bán 01 chiếc nhẫn vàng và đôi bông tai bằng vàng được số tiền là 2.680.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT - VKSND - TL, ngày 18/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng C là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng C với mức án tù: 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng C không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại Ngô Thị M1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc T1 đến Tòa án. Thể hiện trong hồ sơ vụ án, bà Mai, ông Trị đã có đơn xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị xét xử vắng mặt bị hại Ngô Thị M1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc T1. Căn cứ vào Điều 292 BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Hồng C:

Do không có tiền trả nợ nên Nguyễn Thị Hồng C nảy sinh ý định đi đến khu vực huyện T để tìm những người già yếu đi ngoài đường để tiếp cận nhằm mục đích trộm cắp tài sản.

Vào khoảng 08h30, ngày 31/10/2022 tại khu vực thôn 1, xã B, huyện T; Nguyễn Thị Hồng C phát hiện bà Ngô Thị M1 đang đi bộ ngoài đường nên tìm cách tiếp cận. Nguyễn Thị Hồng C giả vờ làm người quen để chở bà M1 về nhà. Trong lúc đỡ bà M1 lên xe Nguyễn Thị Hồng C phát hiện trên người bà M1 có một túi vải nên lén lút dùng tay chiếm đoạt. Sau đó, Nguyễn Thị Hồng C bỏ bà M1 xuống và điều khiển xe chạy đi hướng về huyện Đ1. Nguyễn Thị Hồng kiểm tra và phát hiện trong túi vải có số tiền 990.000đ; 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng; 02 chiếc bông tai bằng vàng có đính đá màu xanh.

Tại bản kết luận giám định số 187/KL-KTHS, ngày 26/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Mẫu ký hiệu M1 (01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng) có các thành phần kim loại Vàng (Au), Đồng (Cu) và Bạc (Ag) và Bạc (Ag). Hàm lượng Vàng 59,58%, Đồng 21, 17%, Bạc 19,25%. Tổng khối lượng (bao gồm cả đá) là 2,7794 gam.

- Mẫu ký hiệu M2: (02 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá màu xanh) có các thành phần kim loại Vàng (Au), Đồng (Cu) và Bạc (Ag). Hàm lượng Vàng 59,58%, Đồng 21,17%, bạc 19,25%. Tổng khối lượng (bao gồm cả đá) là 2,7794 gam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐGTS, ngày 16/01/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- Giá trị của 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng có trị giá 1.567.000đ.

- 02 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng có đá màu xanh có trị giá 1.267.000đ.

Tổng trị giá tài sản cần định giá là 2.834.000đ.

Như vậy, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thế nhưng, Nguyễn Thị Hồng C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Ngô Thị M1 là 3.824.000đ. Trong đó, giá trị của 01 chiếc nhẫn trơn là 1.567.000đ; 02 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng là 1.267.000đ; tiền Việt Nam đồng là 990.000đ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng C thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Ngô Thị M1, sinh năm 1940. Khi nảy sinh ý định phạm tội, mục đích của Nguyễn Thị Hồng C là hướng đến người già. Tại thời điểm ngày 31/10/2022 bà Ngô Thị M1 được 82 tuổi. Cho nên, cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội đối với người 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Hồng C đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Cho nên, Nguyễn Thị Hồng C được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Có quá trình nhân thân tốt; phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51. Cho nên, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp với Điều 36 BLHS.

Bị cáo làm nghề nông; không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm i, khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn Thị Hồng C: 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Thị Hồng C nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng C.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục.

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng C phải nộp 200.000đ án phí hình sự, sung công quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/6/2023). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Cấp theo Điều 262 BLTTHS;
- Bị cáo; bị hại; NCQNVLQ;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã Đ (Thay T/B) ;
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yến